

Bản án số: 16/2022/DS - ST.

Ngày: 24 - 3 - 2022.

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hòa Hợp.

2. Bà Trần Thị Thanh Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Buól – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Điều - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2021/TLST - DS, ngày 05 tháng 11 năm 2021 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T; địa chỉ: Số X Đường N, Quận X, TP.Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1970; chức vụ: Chuyên viên Quản lý nợ phòng giao dịch Ngân hàng T – Chi nhánh G – Phòng giao dịch T là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số: 19/2022/UQ-CNHG ngày 23/3/2022) (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Mạch Thị Cẩm T; sinh năm 1993; địa chỉ: Số X, ấp P, thị trấn N, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 16/9/2021 của nguyên đơn Ngân hàng T (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Văn T trình bày: Ngày 19/12/2018, bà Mạch Thị Cẩm T ký kết giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số: LD1835300444 với Ngân hàng T để vay số tiền là 70.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 0,75%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục

đích vay là tiêu dùng, phương thức trả nợ: Vốn và lãi được chia thành nhiều kỳ, số kỳ trả nợ là 60 kỳ, kỳ hạn trả nợ là 01 tháng/kỳ, kỳ trả nợ đầu T vào ngày 28/01/2019, các kỳ trả nợ kế tiếp là ngày 28 hàng tháng, kỳ trả nợ cuối cùng vào ngày 19/12/2023, số tiền trả mỗi kỳ là 1.691.000 đồng, số tiền trả cuối kỳ là 1.731.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Mạch Thị Cẩm T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền gốc là 30.316.000 đồng và tiền lãi 13.672.471 đồng. Từ ngày 10/3/2021 bà T không thanh toán tiếp cho Ngân hàng cho đến ngày 04/3/2022 bà T đã thanh toán thêm được cho Ngân hàng 1.700.000 đồng tiền gốc. Như vậy tổng số tiền gốc bà T đã thanh toán cho Ngân hàng là 32.016.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bà Mạch Thị Cẩm T hoàn trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 37.984.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 10/3/2021 đến ngày 24/3/2022 là 7.617.046 đồng, trong đó lãi trong hạn là 6.300.000 đồng, lãi quá hạn là 984.498 đồng và lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (gọi tắt là lãi phạt quá hạn) là 332.548 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng từ ngày 25/3/2022 đến khi bà T trả xong số nợ gốc cho Ngân hàng.

- Đối với bị đơn bà Mạch Thị Cẩm T thì sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà T nhưng bà T không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà T 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T vẫn vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và thông báo kết quả phiên họp cho bà T biết. Bị đơn bà T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đối với bị đơn bà Mạch Thị Cẩm T chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đến khi bà T hoàn trả xong nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng T yêu cầu bà Mạch Thị Cẩm T trả số tiền nợ đã thực hiện giao dịch đối với số tiền theo bà Mạch Thị Cẩm T ký kết tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số: LD1835300444 ngày 19/12/2018. Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án, bị đơn bà Mạch Thị Cẩm T hiện cư trú tại ấp P, thị trấn N, huyện P, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Mạch Thị Cẩm T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà T.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho việc bị đơn bà Mạch Thị Cẩm T có vay vốn, Ngân hàng cung cấp cho Tòa án chứng cứ là giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số: LD1835300444, ngày 19/12/2018 có chữ ký của bị đơn bà Mạch Thị Cẩm T ở mục bên được cung cấp tín dụng, và các giấy tờ khác có liên quan. Xét thấy, về hình thức, nội dung các văn bản này là phù hợp theo quy định của pháp luật nên được thừa nhận và được bảo vệ. Các bên tham gia có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng đã ký, đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà T biết nhưng bà T không có ý kiến phản đối gì. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án, nên Hội đồng xét xử khẳng định bà Mạch Thị Cẩm T đã vay và nhận đủ của Ngân hàng số tiền là 70.000.000 đồng. Theo lịch sử thanh toán do Ngân hàng cung cấp thể hiện sau khi vay bà T đã trả cho Ngân hàng được số tiền gốc là 32.016.000 đồng và tiền lãi 13.672.471 đồng, lần trả lãi cuối cùng vào ngày 09/3/2021. Do đó, việc bà T không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, Bà T là người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu thu hồi nợ trước hạn và buộc bị đơn bà T phải trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc còn lại là 37.984.000 đồng và tiền lãi là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 280, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Ngân hàng và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số: LD1835300444, ngày 19/12/2018 giữa Ngân hàng và bà Mạch Thị Cẩm T đã giao kết mức lãi suất là 0,75%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính

trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (gọi tắt là lãi phạt quá hạn) nên bà T phải có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng theo giao kết là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà T hoàn trả tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng từ ngày 10/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 24/3/2022 với số tiền là 7.617.046 đồng, trong đó lãi trong hạn là 6.300.000 đồng, lãi quá hạn là 984.498 đồng và lãi phạt quá hạn là 332.548 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng từ ngày 25/3/2022 đến khi bà T trả xong số nợ gốc là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, bị đơn bà Mạch Thị Cẩm T có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng số tiền vay gốc 37.984.000 đồng, tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 24/3/2022 là 7.617.046 đồng, tổng cộng là 45.601.046 đồng và bà T còn phải trả lãi cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 25/3/2022 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn bà Mạch Thị Cẩm T phải chịu 2.280.052 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng Tkhông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T.

Buộc bị đơn bà Mạch Thị Cẩm T có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng T số tiền vay gốc 37.984.000 đồng (ba mươi bảy triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng), tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng đến ngày 24/3/2022 là 7.617.046 đồng (bảy triệu sáu trăm mười bảy nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng), tổng cộng là 45.601.046 đồng (bốn mươi lăm triệu sáu trăm lẻ một nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Mạch Thị Cẩm T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong

hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà Mạch Thị Cẩm T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng T.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Mạch Thị Cẩm T phải chịu 2.280.052 đồng (hai triệu hai trăm tám mươi nghìn không trăm năm mươi hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 1.047.657 đồng (một triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003232, ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Ánh